Chu kỳ VN-Index: nhịp gần 4 năm

Năm thứ ba tăng 7/7 lần, năm thứ tư yếu nhất; ba nhịp giảm cấp chu kỳ gần nhất lấy lại 63–74% sóng tăng

VN-Index 28/07/2000 – 17/11/2026 · 6.399 phiên · thống kê theo năm lịch, theo sóng đỉnh – đáy ≥ 30% và phổ tần số · 19 ngành ICB và các mã HOSE, HNX qua 4 sóng tăng · Phát hành bởi AAS Research

CHU KỲ TRỘI (PHỔ TẦN SỐ)	NĂM 3 CỦA CHU KỲ	NĂM 4 CỦA CHU KỲ	SÓNG TĂNG (TRUNG VỊ)	SÓNG GIẢM (TRUNG VỊ)	THOÁI LUI 3 LẦN GẦN NHẤT
3,77 năm · **38% biến động** dải 3,2–4,5 năm	**7/7** lần tăng · **TB +35%**	**–5,7%** trung vị · 2/6 lần tăng	**451** phiên · **+165%** · 62% phiên tăng	**263** phiên · –46% · 44% phiên tăng	**63–74%** của sóng tăng trước đó

VỊ TRÍ CHU KỲ
NĂM THỨ TƯ

ĐỈNH 18/05/2026	PHIÊN 17/11/2026	MỐC XÁC NHẬN –20%	VÙNG THOÁI LUI 63–74%
1.927,94	1.726,72 (–10,4%)	1.542	1.176–1.288

2026 là năm thứ tư của chu kỳ bắt đầu từ đáy 11/2022. VN-Index tạo đỉnh 1.927,94 điểm ngày 18/05/2026 sau 869 phiên tăng (+111%), trong khi chỉ số chia đều đã tạo đỉnh từ 09/2025. Đến 17/11/2026 chỉ số mới lùi 10,4%, chưa qua ngưỡng –20% của một nhịp giảm cấp chu kỳ.

KẾT LUẬN

Khuôn "năm 1 tích lũy, năm 2–3 tăng, năm 4 điều chỉnh" đứng được ở hai điểm: **năm 3 tăng cả 7 lần** (TB +35%) và **năm 4 yếu nhất** (trung vị –5,7%). Năm 2 không chắc tăng (2008 –66%). Cỡ mẫu 25 năm chưa đủ để loại khả năng ngẫu nhiên, nên khuôn này dùng để định vị, không dùng để định thời điểm. Theo nhịp đáy – đáy 4 năm, **11/2026–3/2027 là thời điểm hợp lý nhất cho đáy chu kỳ**, trước hết là đáy của số đông cổ phiếu; VN-Index có thể còn xuống thêm do nhóm ngân hàng chưa điều chỉnh.

NHỊP CHU KỲ

3,8 năm

- Đỉnh 2018 → 2022 → 2026: cách 3,75 và 4,35 năm
- Sóng tăng 451 phiên, sóng giảm 263 phiên
- Sóng 2012–2018 kéo 6 năm là ngoại lệ

NGÀNH DẪN SÓNG

3 nhóm

- Thép/Tài nguyên, Chứng khoán, Hóa chất bật đầu tiên
- Cũng là nhóm tạo đỉnh trước chỉ số
- Y tế, Điện nước, Bảo hiểm đi chậm nhất

MÃ TĂNG MẠNH NHẤT

2 dấu hiệu

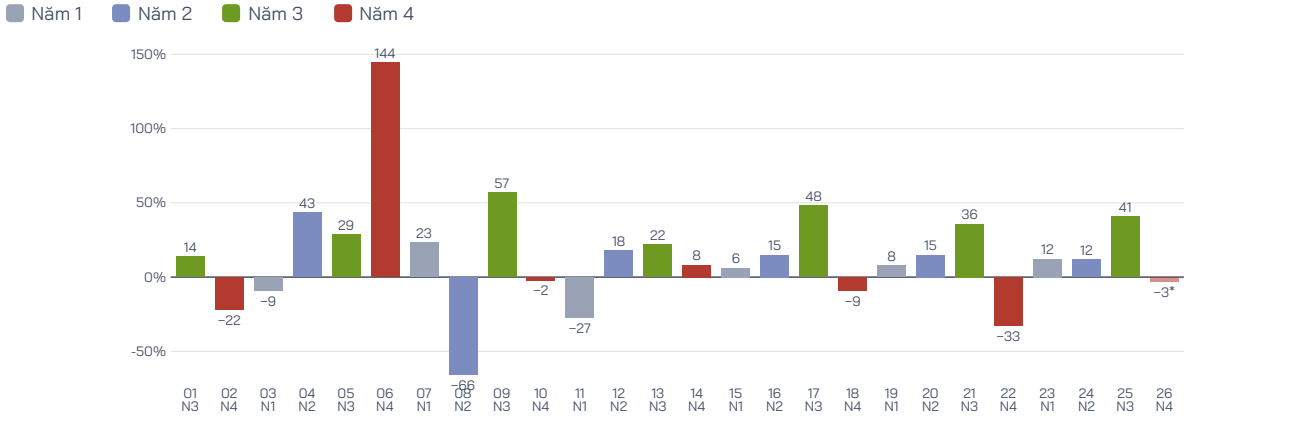
- Rơi sâu nhất trong nhịp giảm trước
- Dẫn đầu trong 3 tháng đầu sau đáy
- Sau 3 tháng, mua đuổi chỉ còn mức trung bình

1 Năm thứ ba luôn tăng, năm thứ tư là năm yếu nhất

Mỗi năm được xếp vào một pha theo chu kỳ 4 năm, lấy năm 1 là 2003, 2007, 2011, 2015, 2019, 2023, nên 2026 là năm 4. Trong bốn cách xếp có thể, đây là cách cho đúng thứ tự "tích lũy – tăng – tăng mạnh – điều chỉnh".

Lợi nhuận VN-Index từng năm theo pha chu kỳ

%, N1–N4 là pha; 2026 tính đến 17/11



Nguồn: kho dữ liệu AAS (VN-Index đóng cửa và cao/thấp trong ngày, 28/07/2000–17/11/2026), AAS tính. Năm 2006 tăng 145% (vượt khung). Năm 2000 chỉ có 66 phiên nên không đưa vào.

Pha	Các năm (20xx)	Lãi TB	Trung vị	Số năm tăng	Phiên tăng / giảm TB	Tỷ lệ phiên tăng	Sụt sâu nhất TB trong năm
Năm 1 – tích lũy	03, 07, 11, 15, 19, 23	+2,1%	+6,9%	4/6	121 / 127	48,7%	−22,7%
Năm 2	04, 08, 12, 16, 20, 24	+6,1%	+14,8%	5/6	132 / 117	53,0%	−28,9%
Năm 3	**01, 05, 09, 13, 17, 21, 25**	**+35,1%**	**+35,7%**	**7/7**	**136 / 100**	**57,9%**	**−23,2%**
Năm 4 – điều chỉnh	02, 06, 10, 14, 18, 22	+14,4%	**−5,7%**	2/6	129 / 118	52,0%	−29,7%

Nguồn: kho dữ liệu AAS (VN-Index đóng cửa và cao/thấp trong ngày, 28/07/2000–17/11/2026), AAS tính. Sụt sâu nhất trong năm: từ đỉnh lũy kế trong năm xuống đáy sau đó, theo giá cao/thấp trong ngày.

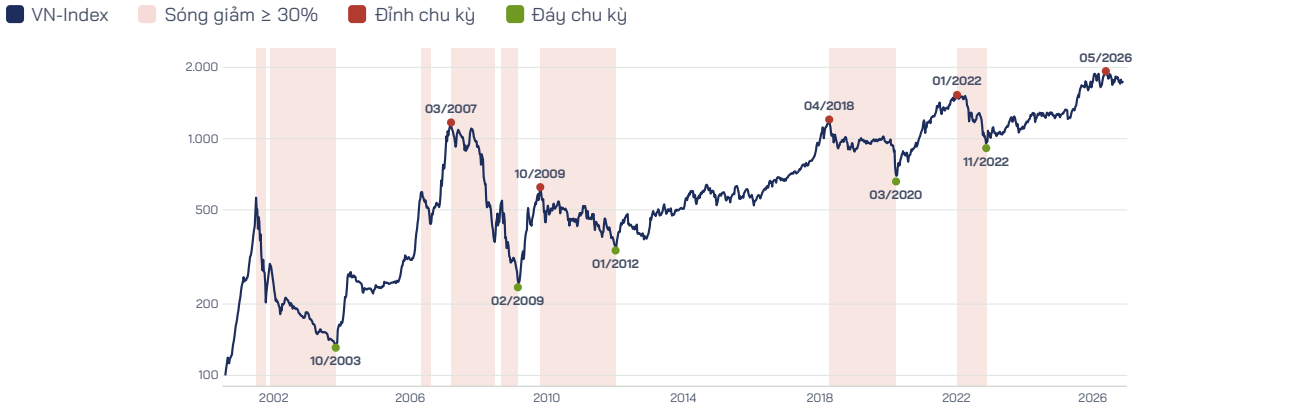
- **Năm 3 là điểm mạnh nhất của khuôn.** 2001, 2005, 2009, 2013, 2017, 2021, 2025 đều tăng, từ +14% đến +57%, và có tỷ lệ phiên tăng cao nhất (57,9%).
- **Năm 4 giảm 4/6 lần:** 2002 −22%, 2010 −2%, 2018 −9%, 2022 −33%. Năm 2006 (+145%) và 2014 (+8%) là ngoại lệ. 2026 đến 17/11 là −3,2%.
- **Năm 2 không đáng tin như mô tả:** 5/6 lần tăng nhưng năm 2008 giảm 66% kéo trung bình xuống +6%. Năm 1 dao động từ −27% (2011) đến +23% (2007), trung bình +2%, đúng tính chất tích lũy.
- **Độ tin cậy thống kê còn thấp.** Xáo ngẫu nhiên thứ tự 25 năm và chọn cách xếp tốt nhất cũng cho kết quả tương tự trong khoảng 40% số lần. Riêng giai đoạn 2014–2025 cách xếp này khớp tốt (năm 3 tăng 36–48%, năm 4 giảm ở 2018 và 2022), nhưng nếu chỉ dựa vào dữ liệu 2001–2013 thì cách xếp tốt nhất lại lệch một năm. Khuôn chu kỳ vì vậy chưa ổn định theo thời gian.

2 Theo đỉnh – đáy thật, nhịp chu kỳ khoảng 3,8 năm

Xếp năm theo lịch dễ lệch pha, vì đỉnh và đáy hiếm khi rơi đúng đầu năm. Phần này tách các sóng có biên độ từ 30% trở lên trên giá đóng cửa, rồi đo khoảng cách giữa các đỉnh và các đáy.

VN-Index và các sóng giảm từ 30% trở lên

Điểm, thang log, giá đóng cửa tuần



Nguồn: kho dữ liệu AAS (VN-Index đóng cửa và cao/thấp trong ngày, 28/07/2000–17/11/2026), AAS tính.

Giai đoạn	Sóng	Số phiên	Phiên tăng / giảm	Tỷ lệ phiên tăng	Phiên tăng TB / phiên giảm TB	Biên độ
24/10/2003 → 25/04/2006	Tăng	624	341 / 283	55%	+0,96% / −0,58%	+383%
25/04/2006 → 02/08/2006	Giảm	69	24 / 45	35%	+1,86% / −1,97%	−37%
02/08/2006 → 12/03/2007	Tăng	150	96 / 54	64%	+1,84% / −1,22%	+193%
12/03/2007 → 20/06/2008	Giảm	313	125 / 188	40%	+1,32% / −1,47%	−69%
20/06/2008 → 27/08/2008	Tăng	48	37 / 11	77%	+1,70% / −1,75%	+54%
27/08/2008 → 24/02/2009	Giảm	121	45 / 76	37%	+1,82% / −2,17%	−58%
24/02/2009 → 22/10/2009	Tăng	168	105 / 63	62%	+1,90% / −1,56%	+165%
22/10/2009 → 06/01/2012	Giảm	552	272 / 280	49%	+1,02% / −1,19%	−46%
06/01/2012 → 09/04/2018	Tăng	1.555	859 / 695	55%	+0,77% / −0,76%	+258%
09/04/2018 → 24/03/2020	Giảm	489	247 / 242	51%	+0,64% / −0,89%	−45%
24/03/2020 → 06/01/2022	Tăng	451	287 / 164	64%	+0,86% / −0,97%	+132%
06/01/2022 → 15/11/2022	Giảm	213	103 / 110	48%	+0,88% / −1,27%	−40%
15/11/2022 → 18/05/2026	Tăng	869	497 / 372	57%	+0,79% / −0,84%	+111%

Nguồn: kho dữ liệu AAS (VN-Index đóng cửa và cao/thấp trong ngày, 28/07/2000–17/11/2026), AAS tính. Sóng xác định bằng ngưỡng đảo chiều 30% trên giá đóng cửa. Phiên tăng TB, phiên giảm TB: mức thay đổi bình quân của các phiên tăng, các phiên giảm.

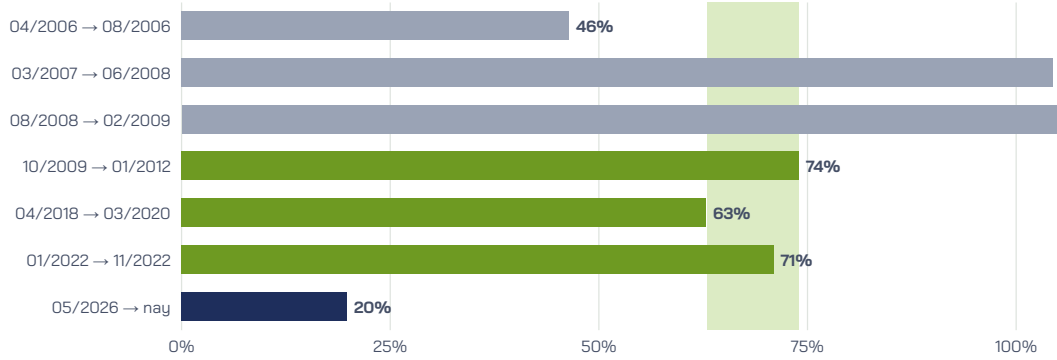
- **Phân tích phổ tần số trên lợi nhuận tháng cho chu kỳ trội 3,77 năm,** chiếm 38% biến động trong dải 3,2–4,5 năm (bootstrap p ≈ 0,08). Tính riêng từ 2013 tỷ trọng này lên 48%: các đỉnh 04/2018, 01/2022, 05/2026 cách nhau 3,75 và 4,35 năm.
- **Sóng tăng thắng nhờ số phiên tăng chứ không nhờ độ lớn.** Trong sóng tăng, 62% số phiên là phiên tăng nhưng phiên tăng và phiên giảm có độ lớn gần bằng nhau (+0,96% và −0,97%). Trong sóng giảm, chỉ 44% số phiên tăng và phiên giảm sâu hơn (−1,37% so với +1,17%).
- **Sóng giảm ngắn hơn sóng tăng.** Trung vị 263 phiên so với 451 phiên. Từ 2018, nhịp giảm cấp chu kỳ kéo dài 213–489 phiên và mất 40–45%.
- **Ngoại lệ lớn nhất là 2012–2018:** 1.555 phiên tăng liên tục mà không có nhịp giảm 30% nào, khiến chu kỳ 4 năm bị kéo dài thành 6 năm.

3 Nhịp giảm cấp chu kỳ thường lấy lại 63–74% sóng tăng

Mức thoái lui đo bằng số điểm mất đi trong nhịp giảm chia cho số điểm đã tăng trong sóng tăng ngay trước đó.

Mức thoái lui của từng nhịp giảm so với sóng tăng trước

% số điểm của sóng tăng; vùng xanh: 63–74%



Nguồn: kho dữ liệu AAS (VN-Index đóng cửa và cao/thấp trong ngày, 28/07/2000–17/11/2026), AAS tính. Thoái lui 2018 → 2020 tính trên sóng tăng từ đáy 01/2012 (337 điểm); tính từ đáy phụ 11/2012 (375 điểm) là 66%.

- **Ba lần gần nhất rất sát nhau:** 2009 → 2012 lấy lại 74%, 2018 → 2020 lấy lại 63–66%, 2022 lấy lại 71%. Hai ngoại lệ là 2007 → 2008 (104%, mất trọn sóng trong khủng hoảng) và 2006 (46%, nhịp điều chỉnh giữa sóng).
- **Áp vào sóng hiện tại** 911,9 → 1.927,9 điểm (+1.016 điểm): thoái lui 63% tương ứng 1.288 điểm, 74% tương ứng 1.176 điểm, mốc 50% là 1.420 điểm.
- **Đến 17/11/2026 mức thoái lui mới khoảng 20%** sau 124 phiên; đáy thấp nhất từ đỉnh là 1.651 điểm (28/07/2026, khoảng 27%). Nhịp giảm 2026 chỉ được xếp là nhịp giảm cấp chu kỳ khi VN-Index đóng cửa dưới 1.542 điểm (–20% từ đỉnh).
- **Về thời gian,** nhịp giảm 2018–2020 và 2022 kéo dài bằng 0,3–0,5 lần sóng tăng trước. Với sóng 869 phiên, tỷ lệ này tương ứng 260–435 phiên, tức đáy chu kỳ kế tiếp rơi vào khoảng giữa 2027 đến đầu 2028. Đây là phép suy từ hai lần quan sát cho kịch bản cổ điển; mục 6 đánh giá khả năng đáy sớm hơn.

Các sóng tăng chồng lên nhau từ đáy chu kỳ

Bội số so với đáy, thang log; trục ngang: số phiên kể từ đáy



Nguồn: kho dữ liệu AAS (VN-Index đóng cửa và cao/thấp trong ngày, 28/07/2000–17/11/2026), AAS tính. Đáy 02/2009 chỉ tăng 168 phiên trước khi gãy; đường vẽ tiếp đến 1.100 phiên để thấy toàn bộ chu kỳ.

4 Chứng khoán, thép và hóa chất dẫn sóng ở cả hai đầu

Mỗi ngành ICB cấp 2 được dựng thành một chỉ số chia đều từ giá điều chỉnh của các mã đang niêm yết trên HOSE và HNX. Ngành được xếp hạng theo mức tăng trong 3 tháng đầu sau mỗi đáy chu kỳ của VN-Index, và đo thời điểm tạo đỉnh so với đỉnh của chỉ số.

	Thứ hạng 3 tháng đầu sau đáy (mức tăng)					Đỉnh ngành so với đỉnh VN-Index (tuần)	
Ngành (ICB cấp 2, chia đều)	Đáy 02/2009	Đáy 01/2012	Đáy 03/2020	Đáy 11/2022	Điểm dẫn sóng TB (100 = luôn đứng đầu)	Đỉnh 01/2022	Đỉnh 05/2026
Tài nguyên Cơ bản	6 (+73%)	4 (+39%)	5 (+28%)	**2 (+28%)**	**79**	–8	–34
Ô tô và phụ tùng	**1 (+162%)**	9 (+31%)	7 (+26%)	**3 (+25%)**	**78**	–0	–5

	Thứ hạng 3 tháng đầu sau đáy (mức tăng)					Đỉnh ngành so với đỉnh VN-Index (tuần)	
Ngành (ICB cấp 2, chia đều)	Đáy 02/2009	Đáy 01/2012	Đáy 03/2020	Đáy 11/2022	Điểm dẫn sóng TB (100 = luôn đứng đầu)	Đỉnh 01/2022	Đỉnh 05/2026
Dịch vụ tài chính	–	**1 (+93%)**	13 (+21%)	6 (+21%)	**69**	−6	−38
Dầu khí	11 (+56%)	10 (+31%)	**2 (+38%)**	**1 (+46%)**	**67**	−0	−11
Hóa chất	**2 (+89%)**	11 (+30%)	**3 (+31%)**	12 (+16%)	**66**	−8	−12
Xây dựng và Vật liệu	4 (+75%)	7 (+35%)	10 (+23%)	8 (+20%)	**64**	−0	−24
Ngân hàng	–	**2 (+46%)**	14 (+19%)	9 (+20%)	**59**	1	−39
Công nghệ Thông tin	5 (+75%)	15 (+20%)	8 (+26%)	10 (+20%)	**51**	−0	−24
Hàng cá nhân & Gia dụng	3 (+81%)	6 (+38%)	17 (+17%)	13 (+15%)	**50**	−7	−12
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10 (+67%)	14 (+22%)	9 (+25%)	4 (+25%)	**49**	−7	−12
Thực phẩm và đồ uống	9 (+69%)	8 (+34%)	11 (+23%)	11 (+17%)	**47**	−0	−35
Bất động sản	8 (+71%)	12 (+30%)	4 (+30%)	16 (+10%)	**46**	−0	−34
Du lịch và Giải trí	–	18 (+4%)	12 (+22%)	5 (+23%)	**41**	−1	−24
Bán lẻ	–	17 (+12%)	**1 (+40%)**	17 (+9%)	**41**	−0	−12
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7 (+73%)	5 (+39%)	18 (+10%)	15 (+12%)	**40**	−0	−11
Bảo hiểm	–	13 (+28%)	16 (+18%)	7 (+21%)	**39**	−10	−18
Truyền thông	12 (+39%)	**3 (+43%)**	15 (+18%)	18 (+6%)	**33**	1	−34
Y tế	13 (+36%)	16 (+12%)	6 (+27%)	14 (+13%)	**31**	−0	−24

Nguồn: kho dữ liệu AAS (giá điều chỉnh, phân ngành ICB), AAS tính. Xanh đậm: top 20% ngành; xanh nhạt: top 1/3; đỏ: 20% yếu nhất. Ở cột đỉnh, đỏ là ngành tạo đỉnh sớm hơn VN-Index từ 8 tuần trở lên. Chỉ tính ngành có từ 3 mã trở lên; trước 2009 quá ít mã nên không đưa vào.

- **Ngành bật mạnh đầu sóng là ngành chu kỳ, hệ số beta cao.** Thép/Tài nguyên cơ bản và Ô tô – phụ tùng lọt top 1/3 ở 3/4 lần; Chứng khoán đứng số 1 năm 2012 nhưng chỉ xếp 13/18 năm 2020 (sau đó dẫn cả sóng 2020–2022); Hóa chất, Dầu khí, Xây dựng – vật liệu cũng thường đi đầu. Y tế, Truyền thông, Bảo hiểm, Điện nước đi chậm nhất.
- **Các ngành tạo đáy gần như cùng tuần với VN-Index.** Ngành dẫn sóng không tạo đáy sớm hơn mà bật mạnh hơn ngay khi thị trường quay đầu. Vì vậy, dấu hiệu đáng theo dõi là sức bật trong 4–12 tuần đầu, không phải việc ngành nào giữ giá tốt hơn trong lúc giảm.
- **Tạo đỉnh trước:** ở đỉnh 01/2022, Bảo hiểm, Hóa chất, Thép, Hàng công nghiệp và Chứng khoán đạt đỉnh sớm hơn VN-Index 6–10 tuần. Ngân hàng, Bất động sản, Bán lẻ tạo đỉnh cùng chỉ số.
- **Chu kỳ 2026 có độ vênh lớn bất thường.** Hầu hết các ngành chia đều tạo đỉnh từ khoảng 8–9/2025, sớm hơn VN-Index 34–39 tuần. Chỉ số chia đều toàn thị trường đạt đỉnh tuần 22/09/2025 và đến nay thấp hơn 12,8%. Đoạn tăng cuối đến 1.928 điểm chỉ do một số ít mã vốn hóa lớn dẫn dắt.

5 Mã tăng mạnh nhất: rơi sâu nhất trước đó, dẫn đầu trong ba tháng đầu

Mỗi sóng tăng chia các mã thành 5 nhóm bằng nhau theo từng đặc điểm, rồi so trung vị mức tăng cả sóng (từ đáy đến đỉnh VN-Index) của nhóm đầu và nhóm cuối.

	Mức rơi trong nhịp giảm trước		Mức tăng 3 tháng đầu			Thanh khoản trước đáy	
Sóng tăng	20% rơi sâu nhất	20% rơi ít nhất	20% mạnh nhất	20% yếu nhất	Tương quan 3 tháng đầu với phần còn lại	20% cao nhất	20% thấp nhất
02/2009 → 10/2009 181 mã · trung vị +192%	**+300%**	+144%	**+340%**	+91%	0,15	+145%	+135%
01/2012 → 04/2018 410 mã · trung vị +272%	**+231%**	+212%	**+311%**	+166%	−0,09	+159%	+363%
03/2020 → 01/2022 600 mã · trung vị +147%	**+310%**	+75%	**+312%**	+66%	0,16	+209%	+107%
11/2022 → 05/2026 660 mã · trung vị +57%	**+77%**	+27%	**+113%**	+4%	0,04	+89%	+42%

Nguồn: kho dữ liệu AAS (giá điều chỉnh), AAS tính. Mã đang niêm yết HOSE, HNX có giao dịch ít nhất 6 tháng trước đáy. Thanh khoản: giá trị giao dịch bình quân 3 tháng trước đáy. Tương quan hạng Spearman.

- **Mức rơi trước đó là dấu hiệu ổn định nhất.** Ở 3/4 sóng, nhóm rơi sâu nhất trong nhịp giảm trước tăng mạnh hơn hẳn nhóm rơi ít nhất (2020–22: +310% so với +75%). Riêng sóng chậm 2012–2018 thì không có khác biệt.
- **Mã dẫn đầu sau 3 tháng thường là mã dẫn cả sóng,** nhưng chủ yếu nhờ phần đã tăng. Mức tăng 3 tháng đầu gần như không tương quan với phần tăng còn lại (hệ số −0,09 đến 0,16): nhận diện được mã dẫn sóng sớm là có lợi, còn mua đuổi sau 3 tháng chỉ đạt mức trung bình.
- **Thanh khoản tùy loại sóng.** Sóng nhanh (2009, 2020–22, 2022–26) ưu tiên mã thanh khoản cao. Sóng chậm 2012–2018 do mã nhỏ thanh khoản thấp dẫn, như VCS, TV2, HPG.
- **Ngành của nhóm 20% tăng mạnh nhất** lặp lại ở Chứng khoán (82% số mã chứng khoán lọt nhóm này năm 2020–22, 41% năm 2022–26), Bất động sản – Xây dựng (2009, 2020–22), Ngân hàng và Dầu khí (2022–26).
- **Mã tăng mạnh nhất từng sóng: 02/2009 → 10/2009:** DRC (+979%), CMC (+624%), BVS (+585%), CDC (+535%), BMP (+532%), VC3 (+495%) · **01/2012 → 04/2018:** VCS (+6.220%), TV2 (+5.297%), MAS (+3.561%), CVT (+2.797%), ADP (+2.394%), TLG (+2.165%) · **03/2020 → 01/2022:** VIG (+2.371%), APS (+1.731%), NHA (+1.540%), DGW (+1.342%), VOS (+1.250%), CEO (+1.250%) · **11/2022 → 05/2026:** L40 (+1.297%), GEE (+1.296%), LPB (+973%), NAF (+783%), TFC (+727%), VIC (+689%)

6 Đáy chu kỳ 11/2026–3/2027: đúng nhịp với số đông cổ phiếu, còn sớm với VN-Index

Phần này kiểm tra riêng câu hỏi thời điểm: theo nhịp chu kỳ 4 năm, VN-Index có thể tạo đáy trong khoảng tháng 11/2026 đến tháng 3/2027 hay không. Mỗi tiêu chí được đối chiếu với các đáy chu kỳ và các năm thứ tư trước đây.

Tiêu chí	Hiện tại	Lịch sử	Đánh giá
Khoảng cách đáy – đáy	11/2026–3/2027 = 4,0–4,4 năm sau đáy 11/2022	Chu kỳ trội 3,77 năm; đỉnh cách nhau 3,75 và 4,35 năm	**Ủng hộ**
Đáy năm thứ tư	2026 là năm 4	6/6 năm 4 có đáy đáng kể trong T10–T3; 4 lần gần nhất 12 tháng sau đều tăng	**Ủng hộ**
Thời gian giảm của số đông cổ phiếu	Chỉ số chia đều giảm từ 15/09/2025 (289 phiên), tới 3/2027 khoảng 18 tháng	Nhịp giảm chia đều dài nhất trước đây 259 phiên	**Ủng hộ**
Mức điều chỉnh của từng mã	47% số mã thoái lui ≥ 63%	Đáy 03/2020: 40%; đáy 11/2022: 71%	**Ủng hộ một phần**

Tiêu chí	Hiện tại	Lịch sử	Đánh giá
Định giá	P/E 10,8, thấp hơn 93% số tuần từ 2009	Các lần P/E thấp như vậy đều rơi quanh đáy (2009, 2011–12, 2020, 2022)	**Ủng hộ**
Lãi suất	LNH 1 tháng 5,3%, đỉnh 7,8% (02/2026)	Đáy thật 11/2012, 03/2020, 10/2023 đến sau khi lãi suất qua đỉnh	**Ủng hộ**
Thời gian giảm của VN-Index	Tới 3/2027 mới 6–10 tháng từ đỉnh 05/2026	Chỉ 2022 nhanh như vậy; các lần khác khoảng 23 tháng	**Chưa khớp**
Độ sâu của VN-Index	–10,4% (đáy 1.651 là –14%)	Các nhịp giảm chu kỳ từ 2003 đều sâu từ 40% trở lên	**Chưa khớp**
Độ lệch chỉ số – thị trường	VN-Index vượt chia đều 22,7% trong 12 tháng; ngân hàng mới thoái lui 40%	2011, 2018: chỉ số giảm thêm 24–29% để khớp lại	**Rủi ro**

Nguồn: kho dữ liệu AAS (VN-Index, giá điều chỉnh cổ phiếu HOSE, P/E FiinX, lãi suất liên ngân hàng), AAS tính. Số liệu đến phiên 17/11/2026.

Năm 4	Đáy trong khoảng T10 – T3 năm sau	Điểm	Đã giảm từ đỉnh 2 năm	VN-Index 12 tháng sau	Có đáy thấp hơn trong 24 tháng?
2002	31/03/2003	145	**–75%**	**+92%**	Có, thấp hơn 10% (10/2003)
2006	31/10/2006	512	**–19%**	**+110%**	Có, thấp hơn 37% (10/2008) – giữa sóng tăng
2010	17/11/2010	426	**–32%**	**–11%**	Có, thấp hơn 21% (01/2012)
2014	17/12/2014	518	**–19%**	**+9%**	Không
2018	03/01/2019	878	**–27%**	**+10%**	Có, thấp hơn 25% (03/2020) – chỉ thủng khi Covid 2020
2022	**15/11/2022**	**912**	**–40%**	**+23%**	**Không – đáy chu kỳ**

Nguồn: kho dữ liệu AAS (VN-Index đóng cửa và cao/thấp trong ngày, 28/07/2000–17/11/2026), AAS tính. Đáy là giá đóng cửa thấp nhất trong khoảng tháng 10 năm thứ tư đến tháng 3 năm sau; đỉnh 2 năm là đỉnh đóng cửa trong 500 phiên trước tháng 10.

Thời điểm	Số mã	Trung vị thoái lui sóng tăng của từng mã	% mã thoái lui ≥ 63%	% mã thủng đáy chu kỳ trước	Trung vị giảm từ đỉnh của mã
Đáy chu kỳ 01/2012	183	93%	82%	37%	**–68%**
Đáy chu kỳ 11/2022	586	81%	71%	14%	**–58%**
Đáy chu kỳ 03/2020	380	56%	40%	10%	**–46%**
Đáy giữa chu kỳ 04/2025	642	61%	48%	16%	**–33%**
Đáy giữa chu kỳ 01/2019	426	52%	39%	15%	**–31%**
Đáy giữa chu kỳ 10/2023	610	53%	33%	6%	**–23%**
Hiện tại 17/11/2026	**616**	**60%**	**47%**	**18%**	**–36%**

Nguồn: kho dữ liệu AAS (giá điều chỉnh), AAS tính. Mã đang niêm yết HOSE, HNX có sóng tăng từ 20% trở lên kể từ đáy chu kỳ trước. Thoái lui = (đỉnh của mã – giá hiện tại) / (đỉnh – đáy của mã).

- **Về thời điểm, khoảng 11/2026–3/2027 là ứng viên mạnh nhất cho đáy chu kỳ.** Khoảng này cách đáy 11/2022 đúng 4,0–4,4 năm. Đáy thấp nhất trong năm của năm thứ tư rơi vào tháng 10–11 ở 4/6 lần (11/2002, 11/2010, 10/2018, 11/2022), và năm thứ tư nào cũng có một đáy đáng kể từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau.
- **Với số đông cổ phiếu, nhịp điều chỉnh đã đủ.** Gần một nửa số mã đã lấy lại từ 63% sóng tăng của chính nó, ngang đáy 03/2020 và đáy 04/2025. Bất động sản, du lịch, ô tô, IT, thép, hóa chất đều thoái lui trên 65%. Tính từ đỉnh của chỉ số chia đều (09/2025), tới tháng 3/2027 nhịp giảm kéo dài khoảng 18 tháng, gần trung vị các nhịp giảm chu kỳ.
- **Với VN-Index, mức điều chỉnh còn nông và nhanh bất thường.** Ngân hàng mới thoái lui khoảng 40%, bán lẻ 35%. Hai lần trước VN-Index lệch xa thị trường như hiện nay (2011, 2018), chỉ số đều giảm thêm 24–29% để khớp lại.
- **Hai lần đáy cuối năm thứ tư không phải đáy cuối cùng** (2003, 2011): đáy thật đến muộn hơn 7–14 tháng và thấp hơn 10–21%, cả hai đều trong giai đoạn tiền tệ thắt chặt. Lần này lãi suất liên ngân hàng đã giảm từ đỉnh, nên điều kiện thuận hơn.

- **Kịch bản đánh giá:** (A) đáy nông trong 11/2026–3/2027, VN-Index khoảng 1.550–1.650 điểm, khi lãi suất tiếp tục giảm; (B) số đông cổ phiếu tạo đáy trong khoảng này, VN-Index vẫn xuống thêm về khoảng 1.400–1.500 điểm do ngân hàng và nhóm trụ điều chỉnh nốt, như năm 2018; (C) đáy chu kỳ cổ điển 1.176–1.288 điểm vào giữa 2027 – đầu 2028, xảy ra khi lãi suất tăng lại hoặc lợi nhuận suy yếu. AAS nghiêng về B, với A là khả năng đáng kể.

7 Các mốc theo dõi cho nhịp điều chỉnh 2026–2027

Các mốc dưới đây suy từ phân phối của những chu kỳ trước, dùng để đánh giá diễn biến khi thị trường đi tới chứ không phải mục tiêu giá.

Mốc	Mức	Căn cứ	Ý nghĩa
Ngưỡng nhịp giảm cấp chu kỳ	1.542	–20% từ đỉnh 18/05/2026	Xác nhận năm 4 đi theo khuôn điều chỉnh
Thoái lui 50%	1.420	Mức 2006 (46%)	Kịch bản nhẹ: điều chỉnh giữa sóng
Vùng thoái lui 63–74%	1.176–1.288	Ba nhịp giảm 2011, 2020, 2022	Vùng đáy chu kỳ thường gặp
Cửa sổ đáy theo nhịp 4 năm	**11/2026–3/2027**	**Đáy – đáy 4,0–4,4 năm; đáy cuối năm thứ tư**	**Kịch bản A, B (mục 6)**
Thời gian nhịp giảm cổ điển	260–435 phiên	0,3–0,5 lần sóng tăng 869 phiên	Kịch bản C: đáy giữa 2027 – đầu 2028
Tín hiệu đáy từ ngành	4–12 tuần	Mục 4	Chứng khoán, thép, hóa chất bật mạnh hơn thị trường
Danh sách mã theo dõi	20%	Mục 5	Nhóm rơi sâu nhất trong nhịp giảm, có thanh khoản

Nguồn: kho dữ liệu AAS (VN-Index đóng cửa và cao/thấp trong ngày, 28/07/2000–17/11/2026), AAS tính. Mốc tính trên giá đóng cửa; vùng thoái lui tính theo sóng 911,9 → 1.927,9 điểm.

8 Phương pháp và giới hạn

- **Dữ liệu chỉ số:** VN-Index đóng cửa, cao, thấp hằng ngày trong kho AAS từ 28/07/2000 đến 17/11/2026 (bỏ phiên 18/11 chưa chốt).
- **Pha theo năm lịch:** lợi nhuận năm từ đóng cửa cuối năm trước. Kiểm định hoán vị 20.000 lần xáo thứ tự năm; kiểm tra ngoài mẫu 2014–2025.
- **Sóng:** thuật toán đảo chiều theo ngưỡng 20% và 30% trên giá đóng cửa. Phổ tần số tính trên lợi nhuận tháng có cửa sổ Hanning; bootstrap theo khối 6 tháng, 5.000 lần.
- **Ngành và mã:** giá điều chỉnh quyền, chỉ số ngành chia đều, giới hạn biến động ngày ±30% để loại lỗi dữ liệu. Chỉ gồm mã đang niêm yết trên HOSE, HNX (thiên lệch sống sót). Giá trị giao dịch trước 11/2023 là ước tính từ khối lượng nhân giá điều chỉnh, nên chỉ dùng để xếp hạng.
- **Cỡ mẫu nhỏ:** 26 năm chỉ chứa khoảng 6 chu kỳ. Các quy luật trong báo cáo là phân phối lịch sử, không phải dự báo.

AAS | RESEARCH

Báo cáo chuyên đề của AAS Research lập ngày 18/11/2026, dựa trên dữ liệu giá lịch sử và tính toán của AAS. Kết quả quá khứ không bảo đảm cho kết quả tương lai. Báo cáo không xét đến mục tiêu, tình hình tài chính và khẩu vị rủi ro của từng nhà đầu tư; nhà đầu tư cân nhắc trước khi quyết định và tự chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

THÔNG TIN CÔNG BỐ. Cơ sở nhận định: thống kê giá lịch sử của chỉ số, ngành và cổ phiếu; báo cáo không đưa ra khuyến nghị mua bán mã cụ thể. Báo cáo không phải lời chào mua hay chào bán chứng khoán. Thông tin được thu thập từ nguồn AAS đánh giá là đáng tin cậy nhưng không bảo đảm tuyệt đối chính xác. Không sao chép hoặc phát hành lại khi chưa có đồng ý bằng văn bản của AAS.